

## CƠ CẤU DÂN SỐ VÀ THÀNH PHẦN DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở NƯỚC TA

LÒ GIÀNG PÁO

*LTS. Xác định thành phần dân tộc là công việc phức tạp và nhiều khó khăn. Kể từ sau khi bản “Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam” được Tổng cục Thống kê công bố vào năm 1979, đến nay vẫn có một số ý kiến về công tác đó.*

*Bài viết của TS. Lò Giàng Páo, Phó Viện trưởng Viện Dân tộc thuộc Ủy ban Dân tộc đăng trong chuyên mục này sẽ có một phần tiếp tục trao đổi về vấn đề đã nêu. Tôn trọng ý kiến của tác giả, Ban Biên tập chỉ điều chỉnh một số chỗ mang tính kỹ thuật. Tạp chí Dân tộc học rất mong nhận được ý kiến trao đổi của bạn đọc với tác giả Lò Giàng Páo.*

### 1. Những nhận định chung

Trong sự nghiệp đấu tranh, xây dựng bảo vệ đất nước, cộng đồng các dân tộc nước ta đã đoàn kết thống nhất dưới sự lãnh đạo của Đảng, mối quan hệ giữa các dân tộc ngày càng gần gũi. Các dân tộc sinh sống trên đất nước ta trong những giai đoạn khác nhau, nhưng đều có chung một vận mệnh lịch sử. Sự sống còn của từng dân tộc đều thể hiện ở tính đoàn kết, thống nhất của cả cộng đồng các dân tộc trong quá trình xây dựng và phát triển. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, truyền thống đoàn kết giữa các dân tộc ngày càng được củng cố và phát triển, sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc đã trở thành nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng.

Mỗi cộng đồng dân tộc đều mang một sắc thái, bản sắc văn hóa riêng góp phần làm nên sự đa dạng trong tính thống nhất của nền văn hóa Việt Nam. Bản sắc văn hóa của các

dân tộc được hình thành và phát triển gắn liền với lịch sử dân tộc, điều đó đã tạo nên những sắc thái văn hóa riêng của từng dân tộc. Sự thống nhất trong đa dạng là đặc điểm của nền văn hóa cộng đồng các dân tộc ở nước ta. Điều dễ nhận thấy, hiện nay hình thái cư trú phổ biến của các dân tộc ở nước ta là sống xen kẽ nhau. Xu hướng sống xen kẽ giữa các dân tộc ngày càng có chiều hướng gia tăng, điều đó tạo điều kiện thuận lợi để các dân tộc tăng cường quan hệ mọi mặt, tăng cường hiểu biết lẫn nhau cùng tiến bộ trong cuộc sống và phát triển sản xuất, mở rộng quan hệ giao lưu kinh tế, văn hóa giữa các dân tộc, cùng nhau thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Cộng đồng các dân tộc ở nước ta có quy mô dân số và trình độ phát triển kinh tế - xã hội không đồng đều giữa các dân tộc hiện nay do nhiều nguyên nhân khác nhau,

trong đó có nguyên nhân do điều kiện tự nhiên khắc nghiệt ở địa bàn cư trú của một số dân tộc thiểu số (DTTS). Nhiều dân tộc đã đạt đến trình độ cao về phát triển kinh tế - xã hội, nhưng một số dân tộc vẫn còn ở trình độ phát triển rất thấp.

Trong bài viết này, tác giả bài viết chỉ thống kê lại một số cuộc điều tra chính và đưa ra một số quan điểm định hướng nghiên cứu khoa học trong thời gian tới.

Ngày 2 tháng 3 năm 1979, Tổng cục Trưởng Tổng cục Thống kê ban hành Quyết định số 121-TCTK/PPCĐ công bố bản *Danh mục thành phần các dân tộc ở Việt Nam* để phục vụ cho cuộc Tổng điều tra dân số năm 1979. Theo bản Danh mục này, nước ta có 54 dân tộc, gồm dân tộc Kinh và 53 DTTS.

Kể từ năm 2003 đến năm 2005, Viện Dân tộc học và Viện Ngôn ngữ học thuộc Viện Khoa học Xã hội Việt Nam (nay là Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam) đã tiến hành điều tra, nghiên cứu, hội thảo khoa học về các dân tộc, nhóm dân tộc cần xác định lại. Tuy nhiên, kết quả công trình nghiên cứu này đến nay chưa được công bố.

Theo các chuyên gia, nhà nghiên cứu, nhà khoa học nhận định, hiện nay các dân tộc ở nước ta có quy mô dân số và trình độ phát triển kinh tế - xã hội không đều nhau, song đồng bào các dân tộc có truyền thống đoàn kết lâu đời trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm, chế ngự thiên nhiên, khắc phục thiên tai và xây dựng đất nước.

Đặc điểm các DTTS ở nước ta là cư trú trên địa bàn rộng lớn, phân tán trên mọi vùng miền của Tổ quốc. Cùng với sự tăng dân số chung của cả nước, dân số DTTS

cũng tăng lên cả về số lượng và tỷ lệ trong tổng dân số.

## 2. Về cơ cấu dân số

Trong hơn 20 năm trở lại đây (qua 3 đợt Tổng điều tra dân số kể từ năm 1989 đến nay), dân số nước ta tăng 21,5 triệu người, trong đó thời gian 1989 - 1999 tăng 11,9 triệu người và 1999 - 2009 tăng 9,6 triệu người. Cụ thể, dân số DTTS tăng từ 13,2% (1989) lên thành 13,8% (1999) và 10 năm sau là 14,27% (2009). Như vậy, sau 20 năm (1989 - 2009), dân số DTTS tăng 3,8 triệu người (trong đó 10 năm đầu tăng 2,1 triệu và 10 năm sau tăng 1,7 triệu).

Cơ cấu dân số DTTS tính theo số lượng: (1) trên một triệu người; (2) dưới một triệu người; (3) dưới một vạn người; và (4) dưới một nghìn người cũng có thay đổi: năm 1989 chỉ có 2 DTTS (Tày, Thái) có số dân trên một triệu người, năm 1999 là 4 (Tày, Thái, Mường, Khơ-me) và năm 2009 là 5 (Tày, Thái, Mường, Khơ-me, Hmông). Tương tự, các cơ cấu khác như sau (Bảng 1).

Theo kết quả tổng điều tra dân số gần nhất (năm 2009), có 5 nhóm DTTS trên một triệu người gồm: Tày (1,62), Thái (1,55), Mường (1,27), Khơ-me (1,26), Hmông (1,06) và 5 nhóm DTTS dưới một nghìn người, tăng giảm qua ba thời kỳ Tổng điều tra dân số: Si La (năm 1989 là 594, năm 1999 là 840 và năm 2009 là 709); tương tự, Pu Péo (382, 705, 687), Rơ-măm (227, 352, 436), Brâu (231, 313, 397), Ô-đu (32, 301, 376). Trong 48 DTTS dưới một triệu người có 34 DTTS dưới 10 vạn; 16 DTTS dưới một vạn và 5 DTTS dưới một nghìn người.

Cũng theo kết quả tổng điều tra dân số năm 2009 về tỷ lệ nam/nữ toàn quốc: nữ nhiều hơn nam (nam là 42,41 triệu trong khi nữ là 43,43 triệu); tuy nhiên, trong một số DTTS có tỷ lệ ngược lại là nam nhiều hơn nữ: Hmông (nam - 537.000; nữ - 530.000), Dao (377/373), Nùng (485/483), Sán Chay (85/83), La Hủ (4,9/4,7)... Bảng 2 dưới đây cho thấy tỷ lệ DTTS so với tổng dân số năm 2009 trên các vùng miền trong cả nước.

*Bảng 1. Cơ cấu dân số của các DTTS*

STT	Chỉ tiêu	1989	1999	2009
1	DTTS dưới một triệu người	51	49	48
2	DTTS dưới một vạn người	20	17	16
3	DTTS dưới một nghìn người	5	5	5

*Bảng 2. Tỷ lệ DTTS so với tổng dân số năm 2009*

Vùng/khu vực	Tỷ lệ (%)
<b>Cả nước</b>	<b>14,27</b>
<i>Trong đó:</i>	
Miền núi, trung du phía Bắc	54,68
Tây Nguyên	35,29
Đồng bằng sông Cửu Long	13,84
Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung	9,60
Đông Nam Bộ	6,48
Đồng bằng sông Hồng	1,54

Trong 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có 7 tỉnh có tỷ lệ DTTS trên 80% gồm: Bắc Kạn (86,63%), Cao Bằng (94,25%), Hà Giang (86,75%), Lạng Sơn (83,01%), Sơn La (82,39%), Lai Châu (82,02%) và Điện Biên (81,58%). Có 12 tỉnh dân số DTTS trên 50% và tiếp theo trên 30% là 17 tỉnh, trên 20% là 20 tỉnh. Nếu tính theo tỷ lệ bình quân chung cả nước (DTTS/Tổng dân số) là 14,27% thì có 25 tỉnh có tỷ lệ trên tỷ lệ bình quân này. Có 30 tỉnh có DTTS trên 10% dân số và 13 tỉnh DTTS dưới 1% dân số.

Cũng theo kết quả Tổng điều tra dân số năm 2009, có 60/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tại thời điểm ngày 1/4/2009 có từ 20/54 thành phần dân tộc trở lên, trong đó có 9 tỉnh, thành phố có từ 40 thành phần dân tộc trở lên: TP. Hồ Chí Minh (51 dân tộc), Đồng Nai (50 dân tộc), Hà Nội (49 dân tộc), Đắk Lắk (46 dân tộc), Thái Nguyên (45 dân tộc), Lâm Đồng (42 dân tộc), Kon Tum (41 dân tộc), Sơn La (40 dân tộc) và Thanh Hóa (40 dân tộc). 3 tỉnh có dưới 20 thành phần dân tộc: Vĩnh Long (19 dân tộc), Cà Mau (18 dân tộc) và Bạc Liêu (16 dân tộc). 13 tỉnh có tỷ lệ DTTS dưới 1% dân số nhưng đều có trên 20 thành phần dân tộc có mặt tại thời điểm tổng điều tra dân số: Thái Bình - 38 dân tộc (0,13%); Đà Nẵng - 36 dân tộc (0,46%); Hà Tĩnh - 30 dân tộc (0,18%); Hải Phòng - 29 dân tộc (0,19%); Hưng Yên - 28 dân tộc (0,13%); Nam Định - 27 dân tộc (0,24%); Hà Nam - 26 dân tộc (0,21%); Bắc Ninh - 26 dân tộc (0,33%).

### **3. Thực trạng thành phần và tên gọi các dân tộc ở nước ta**

#### ***3.1. Thông tin từ hệ thống làm công tác dân tộc trong toàn quốc***

Nhiều địa phương vùng DTTS và một số cơ quan quản lý trong hệ thống hành

chính nhà nước từ Trung ương đến địa phương tiếp tục có văn bản đề nghị Ủy ban Dân tộc của Chính phủ và các cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu, điều tra, xác định lại thành phần của một số dân tộc, nhóm dân tộc, tên gọi một số nhóm dân tộc.

Thực tế, ở các địa phương hiện nay việc sử dụng tên các dân tộc, nhóm dân tộc chưa thống nhất: trong các văn bản hành chính, quản lý nhà nước từ cấp xã, huyện, tỉnh đến Trung ương đều phản ánh không khớp nhau về những thủ tục cơ bản như: giấy khai sinh, đăng ký hộ khẩu, kết hôn, chứng minh thư... Đây là những trở lực khiến cho đồng bào cũng như các cơ quan quản lý lúng túng trong việc xử lý thực hiện các chế độ chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ở các địa phương. Đồng thời đây cũng là nguyện vọng của đồng bào các dân tộc trong việc xác định lại thành phần dân tộc, tên gọi dân tộc và nhóm dân tộc cho chính xác để thuận lợi trong việc thực hiện các chính sách của Đảng và Nhà nước vùng đồng bào các dân tộc thiểu số.

Ngày 5 tháng 8 năm 2010, Ủy ban Dân tộc đã gửi công văn về Ủy ban Nhân dân (UBND) các tỉnh yêu cầu cung cấp thông tin về nhu cầu cần xác định lại thành phần, tên gọi của các dân tộc trên địa bàn tỉnh. Sau khi có công văn trả lời của các tỉnh, Ủy ban Dân tộc đã tổng hợp và chia thành các khu vực có nhu cầu xác định lại thành phần, tên gọi của các dân tộc, nhóm dân tộc như sau:

- Khu vực Tây Bắc gồm có 5 dân tộc và nhóm thuộc dân tộc cần xác định lại;
- Khu vực Đông Bắc gồm có 5 dân tộc và nhóm dân tộc cần xác định lại;
- Khu vực miền Trung gồm 5 dân tộc và nhóm thuộc các dân tộc;

- Khu vực Tây Nguyên gồm 5 dân tộc và nhóm thuộc các dân tộc;

- Khu vực Đông Nam Bộ gồm 1 nhóm thuộc dân tộc;

- 11 dân tộc có yêu cầu cần xác định lại tên gọi cho chính xác.

### **3.2. Một số dân tộc và tên gọi nhóm dân tộc cần tiếp tục nghiên cứu**

Tổng hợp thông tin theo đề nghị từ các tỉnh có đồng bào DTTS sinh sống, kế thừa các nghiên cứu trước đây thấy rằng cần điều tra, nghiên cứu xác định lại thành phần, tên gọi một số dân tộc, nhóm dân tộc như sau:

#### *\* Khu vực Tây Bắc*

- Dân tộc Lô Lô ở xã Đào San và xã Tung Qua Lìn, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu yêu cầu xác định lại thành phần dân tộc;

- Dân tộc La Ha ở xã Tà Mít, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu yêu cầu xác định lại thành phần dân tộc;

- Nhóm Thu Lao thuộc dân tộc Tày của tỉnh Lào Cai đề nghị tách thành dân tộc Thu Lao;

- Nhóm Pa Dí thuộc dân tộc Tày của tỉnh Lào Cai đề nghị nhập vào thành một nhóm của dân tộc Thái;

- Nhóm Xá Phó thuộc dân tộc Phù Lá của tỉnh Lào Cai đề nghị tách thành dân tộc Xá Phó.

#### *\* Khu vực Đông Bắc*

- Nhóm Cao Lan, Sán Chí thuộc dân tộc Sán Chay của các tỉnh: Phú Thọ, Quảng Ninh, Bắc Giang, Thái Nguyên, Cao Bằng, Hà Giang đề nghị tách thành dân tộc Cao Lan và dân tộc Sán Chí;

- Nhóm Thủy thuộc dân tộc Pà Thẻn của tỉnh Tuyên Quang yêu cầu xác định lại thành phần dân tộc;

- Nhóm Quý Châu thuộc dân tộc Nùng của tỉnh Cao Bằng yêu cầu tách thành dân tộc Quý Châu;

- Nhóm Xuông thuộc dân tộc Nùng của tỉnh Hà Giang đề nghị xác định lại thành phần dân tộc;

- Nhóm Ngạn thuộc dân tộc Tày ở tỉnh Hà Giang đề nghị xác định lại thành phần dân tộc.

#### *\* Khu vực miền Trung*

- Dân tộc Bru - Vân Kiều của tỉnh Quảng Bình đề nghị xác định lại thành phần dân tộc;

- Dân tộc Chứt của tỉnh Quảng Bình đề nghị xác định lại thành phần dân tộc và tên gọi;

- Nhóm Ca Dong thuộc dân tộc Xơ-đăng ở các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi đề nghị tách thành dân tộc Ca Dong;

- Nhóm Pa Cô thuộc dân tộc Tà-ôi của tỉnh Thừa Thiên Huế đề nghị tách thành dân tộc Pa Cô;

- Nhóm Nguồn thuộc dân tộc Kinh ở tỉnh Quảng Bình, Lâm Đồng đề nghị xác định lại tên gọi, thành phần dân tộc.

#### *\* Khu vực Tây Nguyên*

- Nhóm Chil thuộc dân tộc Cơ-ho ở tỉnh Lâm Đồng đề nghị tách thành một dân tộc riêng;

- Dân tộc Giê-Triêng ở tỉnh Kon Tum đề nghị tách thành hai dân tộc là dân tộc Giê và dân tộc Triêng;

- Nhóm Xơ drá thuộc dân tộc Xơ-đăng đề nghị tách thành dân tộc Xơ drá;

- Nhóm Hà Lãng thuộc dân tộc Xơ-đăng đề nghị tách ra thành dân tộc riêng với tên gọi dân tộc Hồ Lãng;

- Nhóm Rơ Ngao thuộc dân tộc Ba-na đề nghị tách ra thành dân tộc riêng.

*\* Khu vực Đông Nam Bộ*

- Nhóm Tà Mun thuộc dân tộc Stiêng ở các tỉnh Bình Phước, Tây Ninh đề nghị tách ra thành một dân tộc riêng; nhóm Tà Mun của tỉnh Bình Dương đề nghị nhập vào dân tộc Khơ-me.

*\* Xác định, thống nhất tên gọi, cách viết tên 11 dân tộc*

- M'ông đề nghị gọi là Bunông (ở tỉnh Đắk Nông);

- Gia-rai đề nghị viết là Jrai (ở tỉnh Gia Lai);

- Ba-na đề nghị viết là Bahnar (ở tỉnh Gia Lai);

- Chăm H'roi, Hồ roi đề nghị gọi thành Chăm (ở tỉnh Phú Yên);

- Rai đề nghị gọi là Raglai (ở tỉnh Bình Thuận);

- Châu ro thành Chơ ro (ở tỉnh Bình Thuận);

- Nộp thành Cơ Ho (ở tỉnh Bình Thuận);

- Hán thành Hoa (ở tỉnh Bình Thuận);

- Hơ mông, H'mông thành Mông;

- Bó Y thành Pu yi (ở tỉnh Hà Giang);

- Khơ-me thành Khmer.

Với các tài liệu, thông tin thu thập trên hiện nay, Viện Dân tộc (Ủy ban Dân tộc) mới bước đầu tiến hành kiểm tra ý thức tộc người ở một số nhóm, như:

Năm 2011, Viện Dân tộc tiến hành khảo sát điều tra nhóm người Nguồn ở Quảng Bình, Lâm Đồng; nhóm Bru - Vân Kiều, tại Quảng Trị, Quảng Bình; nhóm Cà Dong ở Kon Tum, Quảng Nam; nhóm Cao Lan ở Tuyên Quang, Thái Nguyên.

Năm 2012, Viện Dân tộc tiến hành nghiên cứu khảo sát các nhóm: Tà Mun (Tây Ninh, Bình Phước, Bình Dương); Chil (tại 3 huyện gồm Đức Trọng, Lâm Hà, Lạc Dương thuộc tỉnh Lâm Đồng); Thủy (Tuyên Quang); Pa Cô (Thừa Thiên - Huế).

Đến nay, việc nghiên cứu đặc điểm thành phần dân tộc ở nước ta với quá trình phát triển dân số và phân bố dân cư là việc làm cần thiết, quan trọng làm cơ sở cho việc nghiên cứu tham mưu, đề xuất các chính sách dân tộc cụ thể (xác định mục tiêu, nội dung, đối tượng, địa bàn và quy mô đầu tư hỗ trợ thích hợp của các chương trình, dự án...), thực hiện có hiệu quả công tác dân tộc vì mục tiêu "Bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng giúp nhau cùng phát triển" giữa các dân tộc trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

#### **4. Về định hướng trong vấn đề dân tộc và xác định lại thành phần một số dân tộc**

##### **4.1. Định hướng chung**

Xuất phát từ đặc điểm của các dân tộc, cần có quan điểm giải quyết vấn đề dân tộc ở nước ta như sau:

1. Giải quyết vấn đề dân tộc là vấn đề quy luật của phát triển, là nguyện vọng thiết

tha của nhân dân và cũng là vấn đề lập trường nguyên tắc của Đảng ta.

2. Các dân tộc luôn luôn tồn tại và cùng phát triển, không thể có dân tộc nào bị mất đi. Việc nghiên cứu và khẳng định về các dân tộc phải dựa trên cơ sở của sự tự giác và tự nguyện của quần chúng và trên cơ sở khoa học.

3. Bình đẳng giữa các dân tộc phải trên cơ sở đường lối chính sách của Đảng, luật pháp của Nhà nước, lợi ích sống còn và chính đáng của từng dân tộc, không nên hiểu bình đẳng là sự bình quân ngang nhau.

4. Cần thực hiện đoàn kết, yêu thương giúp đỡ nhau trong các dân tộc, phát huy quyền làm chủ tập thể gắn với bình đẳng và đoàn kết giữa các dân tộc.

5. Nếu có sự nghi ngờ giữa các dân tộc thì không thể nào thực hiện được sự bình đẳng, đoàn kết và cùng làm chủ.

#### **4.2. Định hướng nghiên cứu ở tầm vĩ mô**

Các dân tộc đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận thì Đảng và Nhà nước cần ra thông tri hướng dẫn các bộ, các cơ quan ngang bộ, các tỉnh thành trong cả nước để phổ biến việc sử dụng tên gọi và số lượng các dân tộc ở nước ta. Cụ thể như sau:

1. Làm cho cán bộ mọi cấp, mọi ngành, nhân dân các dân tộc, các tầng lớp xã hội biết và thấm nhuần đường lối chính sách, quan điểm cơ bản của Đảng và Nhà nước ta trong việc công nhận tên gọi và số lượng các dân tộc tại nước ta.

2. Nhằm làm cho có sự thay đổi về nhận thức và hiểu rõ việc xác định, sử dụng tên gọi và số lượng các dân tộc tại nước ta đúng theo hướng chỉ đạo của Bộ Chính trị,

Trung ương Đảng, nội dung tinh thần của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác dân tộc trong giai đoạn mới, đúng với nguyên tắc khoa học dân tộc, đúng với tình hình thực tế và đặc điểm của dân tộc và đúng với thực tế của mỗi dân tộc.

3. Để tăng cường sự đoàn kết, bình đẳng giữa các dân tộc trên các mặt, xây dựng ý thức cho mỗi dân tộc có lòng tự hào về dân tộc của mình trong cộng đồng quốc gia Việt Nam. Cùng cố ý thức dân tộc, thống nhất đất nước là một, xóa bỏ mọi sự nghi ngờ, thù hằn giữa các dân tộc do lịch sử để lại. Chống lại mọi âm mưu chia rẽ của các thế lực thù địch, đồng thời bảo vệ và xây dựng đất nước ngày càng phát triển.

4. Để bảo tồn giữ gìn, khuyến khích các phong tục tập quán cũng như văn hóa tốt đẹp đã trở thành đặc trưng của từng dân tộc. Trái lại, cũng để hạn chế, xử lý và xóa bỏ những hủ tục lạc hậu, không tốt cản trở sự phát triển cũng như sự đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc, tiến lên theo đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

5. Để đóng góp những số liệu về dân tộc cho Đảng, Chính phủ và các tổ chức xem xét định ra đường lối, chính sách, quy hoạch phát triển và tổ chức thực hiện các kế hoạch đối với từng dân tộc, đúng với đặc điểm tình hình thực tế của dân tộc ở từng địa phương.

6. Để khuyến khích có dữ liệu thông tin chính xác về thực trạng của mỗi dân tộc, đồng thời thúc đẩy việc nghiên cứu phân tích sâu các vấn đề và đề xuất phương pháp tiếp tục giải quyết vấn đề dân tộc, trong việc tổ chức thực hiện chính sách của Đảng và Nhà nước ta đối với các dân tộc.

### **4.3. Định hướng thực hiện nghiên cứu khoa học**

1. Cần tổ chức các cuộc hội nghị, hội thảo từ các cấp Trung ương đề nghị Quốc hội có quyết định về việc công nhận tên gọi và số lượng các dân tộc trong cả nước, một số dân tộc còn có nhiều ngành, chi, nhóm cần được sắp xếp thống nhất và khoa học. Việc tiếp tục sử dụng tất cả các tài liệu, thống kê, viết lý lịch, hộ khẩu, chứng minh thư... khi kê khai dân tộc thì sử dụng hoặc viết ngay tên dân tộc đó, có nghĩa là chỉ có quốc tịch Việt Nam và các dân tộc khác.

2. Tổ chức phổ biến nội dung tài liệu giải thích về việc xác định, sắp xếp tên gọi các dân tộc ở nước ta cho cán bộ các cấp, các ngành, các dân tộc, các tầng lớp nhân dân được biết và thấm nhuần đường lối, chính sách, quan điểm cơ bản của Đảng, Nhà nước ta trong việc công nhận tên gọi và số lượng các dân tộc tại nước ta.

3. Cần có nội dung của thông tri hướng dẫn phổ biến về thống kê danh sách dân tộc đúng với công bố của Nhà nước, quán triệt các bộ, ngành, cơ quan ngang bộ, các tỉnh, thành và mọi tổ chức liên quan, nghiêm chỉnh thực hiện.

4. Sau khi đã phổ biến, giới thiệu cho tất cả các bộ, cơ quan ngang bộ, các tỉnh, thành và mọi tổ chức liên quan từ Trung ương đến địa phương theo thống kê, tên dân tộc đã được công bố, không được sử dụng những tên gọi không có trong thống kê.

5. Các bộ, cơ quan ngang bộ, các tỉnh, thành và mọi tổ chức liên quan cần có sự phối hợp chặt chẽ trong việc chỉ đạo, theo dõi việc tổ chức thực hiện có hiệu quả. Nếu có trường hợp nào không phù hợp thì báo cáo ngay cho cơ quan hoặc cơ quan có thẩm quyền để nghiên cứu xem xét.

### **5. Những kiến nghị**

Qua các thông tin thu thập từ các địa phương, chúng tôi thấy đây là công trình đòi hỏi sự vào cuộc của các nhà nghiên cứu, các chuyên gia trong quá trình thực hiện việc xác định thành phần dân tộc và sự phối hợp của các cấp, ngành Trung ương và địa phương. Cụ thể là, lập Đề án đề cấp có thẩm quyền phê duyệt, có kế hoạch chi tiết, cụ thể, có lộ trình để nghiên cứu điều tra ở các tỉnh, có sự phối hợp giữa các bộ, ngành và các cơ quan chuyên môn Trung ương và các tỉnh, thành tham gia. Có thể tiến hành những hoạt động như sau:

1. Xây dựng lại bộ tiêu chí về xác định thành phần dân tộc phù hợp với sự phát triển các dân tộc trong xu thế giao lưu và hội nhập quốc tế với các mối quan hệ tổng thể giữa các dân tộc.

2. Làm rõ một số khái niệm về dân tộc (tộc người).

3. Xây dựng được bản danh mục thành phần các dân tộc Việt Nam trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Có sự thống nhất tuyên truyền trong việc sử dụng tộc danh các dân tộc trong cả nước.